

MARKED THEME IN ENGLISH INVERSION FROM THE VIEW OF SYSTEMIC FUNCTIONAL GRAMMAR OF M.A.K HALLIDAY

ĐỀ ĐÁNH DẤU TRONG CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH TỪ GÓC NHÌN NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG HỆ THỐNG CỦA M.A.K HALLIDAY

Phạm Thị Hà

Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *In the view of the systemic functional grammar of M.A.K Halliday, the article focuses on analyzing the marked theme which was reflected through inverse arguments in English inversion sentence. Accordingly, the marked theme is defined as the inverse argument in the process of transitivity basing on the structural aspects of functional grammar.*

Key words: *Marked theme, inverse argument, english inversion.*

TÓM TẮT: *Dựa trên quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K Halliday, bài viết tập trung phân tích đề đánh dấu biểu hiện qua tham tổ đảo trong câu đảo ngữ tiếng Anh. Theo đó, đề đánh dấu được xác định chính là các tham tổ đảo trong các quá trình chuyển tác dựa trên các bình diện cấu trúc của ngữ pháp chức năng.*

Từ khóa: *Đề đánh dấu, tham tổ đảo, câu đảo ngữ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ, người ta thường đề cập đến một hoặc những sự thể nào đó trong kinh nghiệm của mình. Việc này thực hiện được là nhờ ngôn ngữ có phương tiện tương thích với nó, đó chính là câu trong chức năng biểu hiện. Các sự việc trong kinh nghiệm không có khuôn hình định sẵn, chúng được diễn đạt thông qua cách nhìn được xây dựng nên bởi con người và được mã hóa trong ngữ pháp của một ngôn ngữ cụ thể. Hệ thống ngữ pháp qua đó phương thức phản ánh được thể hiện là hệ thống chuyển tác (transitivity). Hệ thống chuyển tác phân thể giới kinh nghiệm thành một tập hợp các kiểu quá trình có thể xử lý được. Đó là quá trình vật chất (material processes) và quá trình tinh thần (mental processes) và quá trình quan

hệ (relational processes).

Nhà ngôn ngữ học Halliday cho rằng những đòi hỏi của xã hội đã giúp ngôn ngữ hình thành nên cấu trúc của nó. Ông đã làm sáng tỏ sự phát triển của ngôn ngữ từ quan điểm chức năng: “Ngôn ngữ đã tiến hóa để phát triển các nhu cầu của con người và liên quan đến các nhu cầu này, cái phương thức mà nó được tổ chức là chức năng - nó không phải là vô đoán”[6]. Halliday quan niệm chính trong lời nói tự nhiên, đang hoạt động mà hệ thống ngữ pháp của một ngôn ngữ được khai thác một cách đầy đủ nhất. Ngữ pháp chức năng về cơ bản là ngữ pháp tự nhiên, với nét nghĩa là mọi hiện tượng ngôn ngữ cuối cùng đều có thể giải thích được trong mối quan hệ với việc ngôn ngữ được sử dụng như thế nào. Các thành phần cơ bản của ý nghĩa trong ngôn ngữ là các thành

phần chức năng. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người, bằng ngôn ngữ con người có thể truyền đi bất cứ một loại thông tin nào. Trong bối cảnh ngữ pháp chức năng đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay, đặc trưng về cú pháp cũng như chức năng của mỗi loại câu nói chung và câu đảo ngữ nói riêng trong tiếng Anh là một chủ đề đang được nhiều người quan tâm. Vì vậy, việc phân tích đề đánh dấu trong câu đảo ngữ tiếng Anh sẽ giúp chúng ta nhận dạng dễ dàng hơn về các cấu trúc đảo ngữ. Từ đó xác định cách thức và mục đích sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Đề đánh dấu

Dưới góc độ ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Halliday, 1994), ngôn ngữ được giải thích như là một mạng lưới các mối quan hệ với các cấu trúc hay ngữ đoạn xuất hiện như là sự hiện thực hóa các mối quan hệ ấy. Ngữ pháp sâu của cú được trình bày bằng các mạng lưới hệ thống với điểm xuất phát là “cú” như: Thức, chuyển tác và đề ngữ. Cũng dựa trên quan điểm của ngữ pháp chức năng, Downing và Lockke (1995) giải thích hiện tượng đảo ngữ dựa vào yếu tố “đề ngữ” (Theme), việc chọn một yếu tố làm “đề ngữ” trong một câu là nguyên nhân tạo ra hiện tượng đảo ngữ. “Đề ngữ” của một câu là cái mà người nói hay người viết lựa chọn để làm xuất phát điểm của diễn ngôn. Trong tiếng Anh, “đề ngữ” được thể hiện bằng các thành tố đứng

đầu câu, phần còn lại trong câu được gọi là “thuyết ngữ” (Rheme). Việc chọn thành tố làm “đề ngữ” có vai trò quan trọng vì nó thể hiện cách thức người nói/ viết phát triển thông điệp. Bất kì yếu tố nào được đưa lên vị trí đầu câu thì yếu tố đó sẽ trở thành “đề ngữ có đánh dấu” (marked theme). Những đề ngữ có mức đánh dấu cao chính là yếu tố tạo ra hiện tượng đảo ngữ.

2.1.2. Tham tố đảo trong tiếng Anh

Trong ngữ pháp chức năng, các cấu trúc thường được thể hiện thông qua các quá trình. Chính những quá trình sẽ cung cấp khung tham chiếu để giải thích kinh nghiệm của chúng ta về những gì đang diễn ra. Các khái niệm *quá trình*, *tham tố*, và *chu cảnh* là những phạm trù ngữ nghĩa giải thích một cách khái quát nhất các hiện tượng của thế giới hiện thực được thể hiện trong các cấu trúc ngôn ngữ. Trong đó, các tham tố và các cảnh hướng được gọi chung là các vai nghĩa. Tham tố của câu trong tiếng Anh bao gồm: Hành thể (*actor*), chu cảnh (*circumstance*), tác thể (*agent*) và lực tác động (*force*), Đối thể (*patient*), Tiếp thể (*recipient*), Cảm thể (*senser*), Hiện tượng (*Phenomenon*), Đương thể (*carrier*), Bị đồng nhất thể (*identified*), Ngôn thể (*verbiage*), Ứng thể (*Behavier*), Cường vực (*Range*)...

Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích *Đề đánh dấu* trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ thông qua sơ đồ tổng quát sau:

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
	Thành phần đảo	Các thành phần câu khác
CTCT	Tham tố ↔ (Tham tố) ↔ Quá trình ↔ Tham tố	

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo như (Đích thể, Hiện tượng, Ngôn thể, Đồng nhất thể/ Giá trị, Chu tố/ Chu cảnh) xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình vật chất, tinh thần, hành vi, phát ngôn, quan hệ...). Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên Thức khẳng định.

2.2. Đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình

2.2.1. Đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất

Theo quan điểm của ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday, quá trình vật chất là các quá trình “hành động”. Chúng diễn đạt khái niệm một thực thể nào đó “làm” một cái gì đó - mà có thể được thực hiện “sang” một thực thể khác. Các động từ biểu hiện cho quá trình vật chất như: *do, wear, hit, come, stretch, come, caught, break, mend...*

a. Đảo tham tố Đích thể

Các sơ đồ tương ứng:

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
CTCT	ĐT	HT + QT: vc + (CC)

Trong sơ đồ này, tác giả muốn khẳng định sự nhấn mạnh liên quan đến chủ đề là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề thuyết tương ứng với tham tố Đích thể trong cấu trúc chuyển tác. Đích thể được hiện thực hóa bởi tân ngữ xét trong cấu trúc cú pháp.

Ví dụ 1. ...There remained varicolored cotton dresses which Scarlett felt were not festive enough for the occasion, **ball dresses and the green sprigged muslin she had worn yesterday**. But it was an afternoon dress... [9].

Xét cú: *ball dresses and the green sprigged muslin she had worn yesterday* của ví dụ trên, có thể thấy rằng vì muốn nhấn mạnh thành phần Đích thể (*ball dresses and the green sprigged muslin*) tác giả đã đặt nó lên vị trí xuất phát trong cú làm cho nó trở thành Đề đánh dấu với thái độ khẳng định. Đề đánh dấu (Đích thể) do Hành thể (she) tác động thông qua quá trình vật chất hành động (*had worn*).

Trong tiếng Anh cấu trúc đảo thành phần Đích thể còn xảy ra khi người nói muốn nhấn mạnh một tham tố trong quá trình vật chất tạo vật. Tham tố này sẽ đóng vai Đích thể trong cấu trúc chuyển tác đồng thời làm phần Đề trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ 2 ... *Troops went by the house and down the road and **the dust** they raised powdered the leaves of the trees...* [9].

Xét cú: *the dust they raised powdered the leaves of the trees*. Hành thể (*they*) và Đích thể (*the dust*) hoán đổi vị trí cho nhau khi *quá trình vật chất tạo vật* (*raised* và *powdered*) xảy ra. Trong trường hợp này, tác giả muốn nhấn mạnh Đích thể (*the dust*) và khẳng định chính thành phần này sẽ làm thành phần Đề. Hành thể (*they*) thực hiện *quá trình vật chất* tạo vật được biểu hiện thông qua vị từ hành động (*raised* và *powdered*) chính là phần Thuyết thuyết giải cho Đề trong văn bản.

Cấu trúc đảo thành phần Đích thể còn xảy ra khi người nói muốn nhấn mạnh một tham tố trong *quá trình vật chất chuyển giao*.

Ví dụ 3 ... It was a hot afternoon and I was sick of lying in bed. I sent the porter for the papers, **all the papers he could get**... [9].

Trong ví dụ trên, vì muốn nhấn mạnh yếu tố Đích thể (*all the papers*) mà tác giả

đã đưa nó lên vị trí đầu cú làm cho nó trở thành Đề đánh dấu thông qua quá trình vật chất chuyển giao (*get*). Hành thể (*he*) là chủ thể thực hiện quá trình nhưng lại xuất hiện ở phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề.

b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh

Các sơ đồ tương ứng

Từ khung tham chiếu, có thể thấy rằng tiêu điểm thứ nhất của thông tin được câu truyền tải là một thuộc tính chu cảnh bắt buộc và làm khung đề của câu. Thuộc tính chu cảnh bắt buộc này được thể hiện bằng một kết cấu mang trạng tính, thậm chí là một trạng từ trong cấu trúc ngữ pháp. Tiêu điểm thứ hai thường xuất hiện cuối câu chính là Hành thể - chủ thể của hành động, được thể hiện bằng một danh ngữ đếm được và không xác định. Phần Thuyết theo sau khung đề không gian/thời gian là một kết cấu gồm ngữ đoạn vị từ mà vị từ trung tâm của nó biểu thị quá trình chuyển vị - một cách thể hiện của quá trình vật chất.

Ví dụ 4. We walked along the railroad track. ***On both sides of us stretched the wet plain...*** [9].

Căn cứ vào khung tham chiếu có thể thấy rằng trong câu đảo ngữ: *On both sides of us stretched the wet plain*, thành phần xuất hiện đầu câu là thuộc tính chu cảnh bắt buộc làm khung đề không gian được mã hóa bằng trạng ngữ hay cụm trạng ngữ như: *On both sides of us*. Đây cũng chính là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết. Các thành phần này làm điều kiện để giới thiệu các Hành thể - tiêu điểm thứ hai (*the wet plain*) thông qua quá trình vật chất hành động: *stretched* biểu thị một sự chuyển động có cách thức. Có thể thấy rằng, vì muốn nhấn mạnh thuộc tính chu cảnh (*On both sides of us*) mà tác giả đã đưa nó lên

trước quá trình hành động và Hành thể với thái độ khẳng định. Đối với cuộc sống nơi làng quê, hình ảnh cánh đồng, lều trại luôn là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt thường ngày. Vì vậy, khi giao tiếp nó luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu mà người nói đề cập đến.

Ngoài ra, trong tiếng Anh, để khẳng định sự nhấn mạnh người ta còn dùng ngay chính thành phần diễn đạt sự nhấn mạnh đó làm đề đánh dấu và đặt nó lên vị trí đầu câu nhằm cung cấp thông tin mới nhất đến người nghe/đọc. Đề đánh dấu chính là đề cấu trúc được thể hiện bằng trạng từ khẳng định so (cũng có/cũng vậy) báo hiệu cấu trúc đảo trợ động từ. Đề cấu trúc đứng trước Đề hữu hạn do, does và did. Các trợ vị từ này thay thế cho cả một ngữ đoạn vị từ đã bị tỉnh lược khi ngôn cảnh cho phép. Chủ ngữ của câu có thể là một danh ngữ, một danh từ riêng hay một đại từ nhân xưng được phép làm Chủ ngữ xuất hiện ở vị trí cuối câu (Swan, 1980).

Ví dụ 5 ...We laid up for the day, on a tow-head tolerably close to the left-hand bank. I begun to suspicion something. ***So did Jim...*** [7].

Xét câu nhấn mạnh: *So did Jim*. Đứng sau đề cấu trúc (so) nhằm thể hiện hình thức đảo ngữ là tác tử tình thái (*do* và *did*). Vị trí tận cùng của câu là thành phần chủ ngữ: *Jim*. Hơn nữa, đề cấu trúc (*so*) trong ví dụ trên được xem là sự thay thế cho *I begun to suspicion something*. Đây là sự tỉnh lược vì ngôn cảnh cho phép.

2.2.2. Đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần

a. Đảo tham tố Hiện tượng

Các sơ đồ tương ứng:

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
CTCT	HTg	CT ↔ QT: tt (nhận thức / tình cảm / mong muốn)

Các quá trình tinh thần (tình cảm, nhận thức, mong muốn...) trong tiếng Anh có thể được định nghĩa như là những quá trình diễn đạt “những phản ứng tinh thần” đối với một Hiện tượng nào đó như: *love, like, hate, think, perceive, want, know, feel, seem, look...* Các quá trình này thường được Cảm thể bộc lộ theo mức độ, vì vậy nó thường mang ý nghĩa nhấn mạnh.

Trong tiếng Anh, để tạo sự chú ý cho người đọc/nghe đối với một yếu tố thông tin nào đó với thái độ khẳng định, người ta có thể đảo tham tố tương ứng với thông tin đó lên đầu câu. Khi muốn nhấn mạnh thông tin mới tương ứng với vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác quá trình tinh thần nhận thức chúng ta có thể đảo vai này lên vị trí đầu câu và trong cấu trúc mới được hình thành này vai trò vị trí của các tham thể sẽ có sự thay đổi. Yếu tố Hiện tượng sẽ trở thành phần đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ 6 ... What do you value most?" "*Some one I love.*" ... [9].

Ví dụ 7 ... *What of the thin and rotten ice he had felt under his feet all day*, it seemed that he sensed disaster close at hand, out there ahead on the ice where his master was trying to drive him... [8].

Xét câu: *Some one I love* và *What of the thin and rotten ice he had felt under his feet all day*. Các tham tố Hiện tượng (*Some one; What of the thin and rotten ice*) được tác giả đưa lên vị trí đầu câu trước cả vai Cảm thể và trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết với một thái độ khẳng định. Phần còn lại chính là phần Thuyết được xác định từ vai

Cảm thể (*I* và *he*) rồi đến vị ngữ được xác định là quá trình tinh thần nhận thức (*love; felt*) trong cấu trúc chuyển tác. Như vậy, đề khẳng định thông tin đã nêu trước đó, tác giả đã thể hiện bằng tham tố Hiện tượng (*Some one; What of the thin and rotten ice*) và thuyết giải nó bằng phần Thuyết (*I love; he had felt under his feet all day*).

Cấu trúc đảo thành phần câu còn xảy ra đối với một số quá trình tinh thần chỉ sự mong muốn và chúng có thể phóng chiếu một Hiện tượng là ý tưởng, điển hình là trong hình thức thông báo lại. Nói cách khác, đó là quá trình đảo ngữ kiểu nhấn mạnh (trích dẫn) trực tiếp - gián tiếp. Trong đó, phần trích dẫn trực tiếp là một cú đóng vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Đề đánh dấu. Vị trí tiếp theo là Cảm thể mở đầu cho phần Thuyết thực hiện quá trình tinh thần mong muốn.

Ví dụ 8 ... She pointed under the house. "The sow done bit Prissy and got her penned up unner the house." "*Good for the sow*", thought Scarlett... [9].

Ví dụ trên cho thấy: Cú bị phóng chiếu bao gồm Hiện tượng/ Đề đánh dấu là: "*Good for the sow*",

Phóng chiếu bao gồm (Cảm thể ↔ QTTT: mong muốn)/phần Thuyết là: *thought Scarlett*.

b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh
Các sơ đồ tương ứng

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
CTCT	TTCC	QT: tt + CT

Qua nguồn ví dụ thu thập được, chúng tôi cũng tìm thấy Đề đánh dấu chứa thông tin cần nhấn mạnh xảy ra đối với quá trình tinh thần.

Ví dụ 9 ... He seemed to remember it all, the white woods, and earth, and moonlight, and the thrill of battle. ***Over the whiteness and silence*** brooded a ghostly calm... [8]

Ví dụ trên cho thấy đứng đầu câu: *Over the whiteness and silence brooded a ghostly calm* là cụm bổ ngữ chu cảnh (*Over the whiteness and silence*). Yếu tố này chính là phần Đề đánh dấu cùng với Thuyết là các yếu tố còn lại ở vị trí tiếp theo. Bởi lẽ, quá trình tinh thần nhận thức cũng thường xảy ra trong một không gian hay một thời gian nào đó nhất định. Cảm thể đồng hành với một yếu tố chu cảnh nào đó lại được đặt ở vị trí cuối câu trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Thuyết (brooded a ghostly calm).

2.2.3. Đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình phát ngôn

Các sơ đồ tương ứng:

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
CTCT	NT	PNT ↔ QT: pn + (TNT)

Ngôn thể, “nội dung cái được nói ra”, Halliday (1994), làm *chủ đề được đánh dấu*, được mã hóa bằng tiểu cú được phóng chiếu (projected clause), thường thuộc tiểu loại *hữu hạn*; được vị từ phát ngôn như *say, ask, answer, reply, rejoin, shout, suggest*, v.v... tường thuật trực tiếp; đứng trước hay bao bọc *phát ngôn thể* - tham thể có ý thức thường được thể hiện bằng một danh ngữ xác định và có khả năng “tạo ra tín hiệu” (Halliday, 1994).

Ví dụ 10 ... “***Do you speak other languages besides English?***” he asked the waitress. “Oh, yes, sir. I speak German and French and the dialects.”... [7].

Số liệu thu thập từ các yếu tố khảo sát chỉ ra rằng đây là loại hình đảo ngữ khá phổ biến và rất đặc trưng trong tiếng Anh. Ngoài ra, các ví dụ minh họa cũng cho chúng ta thấy rằng các Ngôn thể như: “*Do you speak other languages besides English?*” đóng chức năng đề đánh dấu và mang tính hạn định, đứng vị trí đầu câu, được các Phát ngôn thể - chủ thể của phát ngôn (*he*) tường thuật trực tiếp thông qua vị từ phát ngôn như: *asked* và TNT (*the waitress*).

Tuy nhiên, trong quá trình phát ngôn, tham thể PNT là vai diễn cố hữu, luôn tham gia vào quá trình để thực hiện hành động phát ngôn còn vai diễn TNT có khi được che dấu mà không bắt buộc phải xuất hiện trong câu.

Ví dụ 11 ... A shell fell close and they both dropped to the ground and dropped me. “***I’m sorry, Tenente***,” said Manera... [9].

Xét câu: “*I’m sorry, Tenente*”, said Manera. Trong ví dụ trên, Đề đánh dấu chính là vai ngôn thể “*I’m sorry, Tenente*,” được nhấn mạnh, PNT (*Manera*) thực hiện QTPN (*said*) đảm nhận vai trò làm Thuyết trong cấu trúc mà không cần sự xuất hiện của TNT.

Đề đánh dấu trong cấu trúc chuyển tác của quá trình phát ngôn là Ngôn thể. Tuy nhiên, ngôn thể là thành phần khá đa dạng về mặt cấu trúc. Ngôn thể không nhất thiết phải là một cú mà có khi chỉ là một từ.

2.2.4. Đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình quan hệ

Các sơ đồ tương ứng:

CTĐT	Đề đánh dấu	Thuyết
CTT	Thức khẳng định	
CTCT	ĐNT/ GT/ ThT	QT: qh (Đồng nhất/ qui gán) + BĐNT/ BH/ ĐgT

Đó là hiện tượng đảo hai diễn tố trong “câu quan hệ” được hiện thực bởi động từ “be” đóng chức năng làm quan hệ định tính. Xuất hiện cuối câu chính là Đương thể - một thực thể hay bất kì một sự việc gì được quy gán cho một thuộc tính nào đó (Halliday, 1994). Đương thể làm chủ ngữ nhưng không làm chủ đề trong câu và thường được mã hóa bằng một danh từ đếm được xác định hoặc không xác định. Xuất hiện ở đầu câu là thuộc tính làm khung đề “được đánh dấu” (Halliday, 1994). Thuộc tính của Đương thể làm khung đề trong trường hợp này có thể là:

- Thuộc tính quan yếu được mã hóa bằng một tính ngữ, một ngữ phân từ hay một danh ngữ xác định.

- Thuộc tính là Chu cảnh được mã hóa bằng một giới ngữ hay một trạng ngữ

Những hiện tượng đảo ngữ theo khung tham chiếu này thường có chức năng gây ngạc nhiên và có thể tác động mạnh đến người nhận thông tin vì tính tương phản của cái thông tin mới nằm trong khung đề ngay đầu câu và vì trật tự ngược của thông tin “cũ sau - mới trước”.

a. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: đồng nhất (identification)

Đối với quá trình quan hệ đồng nhất, việc đảo các tham tố ĐNT/GT với tham tố BĐNT/BH nhằm nhấn mạnh các tham thể ĐNT/GT. Tham tố này là yếu tố làm thành Đề ngữ trong cấu trúc Đề thuyết.

Ví dụ 12 ... Each day the sun rose earlier and set later. It was down by three in the morning, and twilight lingered till nine

at night. ***The whole long day was a blaze of sunshine...*** [7].

Trong câu: The whole long day was a blaze of sunshine, thông qua quá trình quan hệ “was” và cũng là yếu tố phân định ranh giới giữa Đề và Thuyết, các tham thể ĐNT/GT và BĐNT/BH có sự hoán đổi vị trí cho nhau. Quá trình hoán đổi vị trí của các tham thể cũng chính là quá trình đảo các vai nghĩa. Sự đảo các vai nghĩa nhằm mục đích tạo hiệu ứng đối với người đọc/nghe. Ở đây, ĐNT (The whole long day) có sự đồng nhất với BĐNT (a blaze of sunshine). Tuy nhiên, tác giả muốn nhấn mạnh ĐNT (The whole long day) với thái độ khẳng định nên đã đặt nó ở vị trí đầu câu làm thành Đề đánh dấu. Phần còn lại - Thuyết ((a blaze of sunshine) nhằm thuyết giải thông tin cho phần Đề.

b. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: Chu cảnh (Circumstantial)

Quá trình quan hệ Chu cảnh liên quan đến chuyên tác quan hệ “ở nơi nào đó”. Mỗi quan hệ của chúng là quan hệ giữa một thực thể với chu cảnh hay môi trường của nó như thời gian, không gian, phong cách, đồng chu cảnh...BH và GT là những thành phần chỉ thời gian, địa điểm và quá trình được hiện thực hóa bằng các động từ chỉ quan hệ sâu. Là cú đồng nhất nên các tham thể trong các cú này có thể đảo ngược được.

Ví dụ 13 ... We walked on along the street until it came out onto a wider street that was beside a canal. ***On the other side was a brick wall and buildings...*** [9].

Ví dụ trên cho thấy GT (On the other side) và BH (a brick wall and buildings)

hoán đổi vị trí cho nhau. Tuy nhiên, vì muốn nhấn mạnh tham tố liên quan đến địa điểm (*On the other side*) mà tác giả đã đảo chúng lên vị trí đầu câu với một thái độ khẳng định, xác định chúng làm phần Đề cho văn bản.

Ngoài ra, Đề đánh dấu cũng có khi được khẳng định bằng một từ mang trạng tính chỉ nơi chốn như: *here*.

Ví dụ 14 ... Scarlett sat down on the column, too sick at the sight to go on. This desolation went to her heart as nothing she had ever experienced. **Here** was the Wilkes pride in the dust at her feet... [8].

Xét câu: *Here was the Wilkes pride in the dust at her feet*. Đề đánh dấu chính là từ mang đặc điểm trạng tính (*here*). Phần còn lại là Thuyết được đánh dấu từ quá trình quan hệ (*was*).

c. Đảo tham tố thuộc tính thường trực và kết quả trong quá trình quan hệ

Đề đánh dấu là chỉ định từ (*determiner*) *such* “đến như thế, đến mức độ” hay trạng từ chỉ cấp độ (*adverb of degree*) như *so* (quá...đến nỗi) cũng là Đề cấu trúc nằm trong cái kết cấu đứng trước Đề hữu hạn ở đầu câu làm cho câu có cấu trúc đảo.

Ví dụ 15 ... His eyes turned blood shot, and he was metamorphosed into a raging fiend. **So changed** was he that the Judge himself would not have recognized him; and the express messengers breathed with relief when they bundled him off the train at Seattle... [7].

Ví dụ 16 ... There is an ecstasy that marks the submit of life, and beyond which life cannot rise. And **such** is the paradox of living, this ecstasy comes when one is most alive, and it comes as a complete forgetfulness that one is alive [7].

Tương ứng với khung tham chiếu thể hiện một hình thức khác của phép đảo bán phần (trợ động từ). Theo đó, đề cấu trúc được bắt đầu với từ chỉ định *so* và *such* như *So changed* và *such*, kế tiếp là đề hữu hạn được mã hóa bởi động từ *was* và cuối cùng là phần thuyết ngữ: *he that the Judge himself would not have recognized him and the paradox of living, this ecstasy comes when one is most alive, and it comes as a complete forgetfulness that one is alive*. Trong tiếng Anh, các cặp liên từ “*so ... that*” và “*such ... that*” thường được dùng để liên kết hai vế trong câu văn. Đứng vị trí đầu câu và làm chức năng của đề cấu trúc chính là cụm từ bắt đầu với *so* nhằm nhấn mạnh một thuộc tính hay một trạng thái nào đó cho cụm từ hay tiểu cú được giới thiệu trong vế thứ hai. Mối quan hệ thông tin giữa hai vế là mối quan hệ nhân quả và tạo hiệu ứng nhấn mạnh.

Từ nhấn mạnh “*so*” còn được làm Đề đánh dấu trong văn bản mà không đi kèm thuộc tính của Dương thể.

Ví dụ 17 ... “I’m always hungry.” “**So am I**.” We went out in the snow but it was drifted so that we could not walk far... [9].

Xét câu: “*So am I*”, Đề đánh dấu chính là từ nhấn mạnh “*so*” nhằm khẳng định sự nhấn mạnh và thay thế thông tin mới đã nêu trước đó “*I’m always hungry*”. Loại hình đảo ngữ này cũng xuất hiện khá phổ biến trong tiếng Anh.

Đối với thuộc tính liên quan đến thường trực, người ta có thể dùng hình thức so sánh hơn hoặc so sánh nhất. Nói cách khác, khi muốn nhấn mạnh một thông tin nào đó người ta có thể đặt yếu tố chứa thông tin đó lên đầu câu và đối lập nó với các thông tin còn lại bằng hình thức so sánh.

Ví dụ 18 ... These are the indicators of

crisis, subject to data and statistics. *Less measurable but no less profound is a sapping of confidence across our land - a nagging fear that America's decline is inevitable, and that the next generation must lower its sights...* [8].

Trong tiếng Anh, quá trình đảo ngữ còn xảy ra khi thuộc tính của Đương thể làm Đề đánh dấu được biểu hiện bằng một tính ngữ hay một cụm tính ngữ.

Ví dụ 19 ... Till the day she died there would be blank spots in her memories of those days. *Epecially vague* were her recollections of the time between her acceptance of Charles and her wedding. Two weeks! ... [9].

Ví dụ 20 ...One bright summer morning some weeks later, he reappeared with a brightly trimmed hatbox in his hand and, after finding that Scarlett was alone in the house, he opened it. *Wrapped in layers of tissue* was a bonnet, a creation that made her cry: "Oh, the darling thing!" as she reached for it... [9].

Từ những ví dụ trên, có thể thấy rằng ở đầu câu, vai Thuộc tính của Đương thể thực hiện nhiều chức năng khác nhau. Có khi Thuộc tính thực hiện chức năng là "chỗ nối" (cohesive link), đặc biệt là khi Thuộc tính có chứa "yếu tố mang tính so sánh" với "ngôn cảnh phía trước" như thành phần Chu cảnh: *Less measurable but no less profound* trong ví dụ 18 còn Đương thể

"chở thông tin quan trọng nên xuất hiện ở cuối câu" (Eastwood, 1994: 56). Trong các ví dụ số 19 và 20, các thành phần ngữ phân từ *Wrapped in layers of tissue* với tư cách là một phần của vị từ đã chuyển sang làm khung đề trong câu. Ý nghĩa bị động và ý nghĩa chủ động đã bị triệt tiêu và thay vào đó là ý nghĩa định tính được thể hiện bằng hệ từ "be". Biber (1999) cho rằng việc *chuyển ra phía trước* có chức năng diễn ngôn chính là: tổ chức dòng thông tin để tạo sự liên kết, biểu đạt ý nghĩa tương phản và cho phép nhấn mạnh thành tố nào đó.

3. KẾT LUẬN

Dựa trên hướng tiếp cận của ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K Halliday, tác giả tán thành quan điểm cho rằng chức năng của câu có thể được phân tích dựa trên cả ba bình diện. Đó là câu có chức năng cấu trúc Đề - Thuyết, câu có cấu trúc Thúc, cấu trúc nghĩa biểu hiện. Qua phân tích nguồn ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy trong tiếng Anh, các loại câu đảo ngữ đều có phần Đề là *Đề đánh dấu*, bởi vì Đề ngữ không trùng khớp với Chủ ngữ. Chính các tham tố đảo trong câu tạo nên câu có có chức năng cấu trúc Đề - thuyết. Hơn nữa, khi giao tiếp vì mục đích nhấn mạnh một yếu tố ngôn ngữ nào đó mà chúng ta đảo yếu tố ngôn ngữ đó lên phía trước hoặc về phía sau và làm cho nó trở thành thông tin được nhấn mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Biber. D (2009). *Student Grammar of Spoken and Written English*. Longman.
- [2] Downing A., Locke P., (1995). *A University Course in English Grammar*.
- [3] Prentice Hall International, New York.
- Eastwood, J. 1994. *Oxford guide to English grammar*. OUP.
- [4] Fillmore, C.J. (1999). *Inversion and constructional inheritance*, In G. Webelhuth, J. Koenig.

- [5] Halliday. M.A.K. (1994). *An introduction to functional grammar*. London, Arnold Macmillan.
- [6] Halliday. M.A.K. (2002). *Linguistic Studies of Text and Discourse*. Continuum, London.
- [7] Hemingway Earnest. (1995). *The Collected Stories*, David Campell Publishers Ltd., 79 Berwick Street, London.
- [8] Jack London (1903). *The call of the wild*. Margaret Mitchel (1936). *Gone with the wind*. Macmillan.
- [9] Margaret Mitchel (1936). *Gone with the wind*. Macmillan.
- [10] Lock, G. (1999) *Functional English Grammar*, Cambridge University Press.
- [11] Swan Michael (1980). *Practical English Usage*, OUP, Oxford.
- [12] Tô Minh Thanh (2011). *Vai nghĩa trong câu trần thuật tiếng Việt và tiếng Anh*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

KÝ HIỆU VIẾT TẮT DÙNG TRONG BÀI VIẾT

BDNT	= Bị đồng nhất thể	NT	= Ngôn thể
BH	= Biểu hiện	PNT	= Phát ngôn thể
CC	= Chu cảnh	QT	= Quá trình
CT	= Cảm thể	QT: hv	= Quá trình hành vi
CTCT	= Cấu trúc Chuyên tác	QT: pn	= Quá trình phát ngôn
CTĐT	= Cấu trúc Đề thuyết	QT: qh	= Quá trình quan hệ
CTT	= Cấu trúc Thúc	QT: tt	= Quá trình tinh thần
ĐgT	= Đương thể	QT: vc	= Quá trình vật chất
ĐN	= Đề ngữ	ThT	= Thuộc tính
ĐNgT	= Đích ngôn thể	ThN	= Thuyết ngữ
ĐNT	= Đồng nhất thể	TNT	= Tiếp ngôn thể
ĐT	= Đích thể	TT	= Tiếp thể
GT	= Giá trị	TTCC	= Thuộc tính chu cảnh
HT	= Hành thể	UT	= Ứng thể
Htg	= Hiện tượng		

Liên hệ:

Phạm Thị Hà

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Email: hathu007@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/11/2021

Ngày gửi phản biện: 25/11/2021

Ngày duyệt đăng: 27/02/2022